

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-ST

Ngày 26-4-2024

V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Thủy

Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tấn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2024. Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2024/TLST- HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2024 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2024/QĐST – HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị H**, sinh năm 1988

ĐKKHKT: Số 50 ngõ 379 Minh K, phường V, quận H, thành phố H.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Đức Thêm**, sinh năm 1986

ĐKKHKT: Khu 2, xã B, huyện T, tỉnh P.

(Chị H và anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai: Nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đức T kết hôn ngày 20 tháng 6 năm 2020 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận H, thành phố H. Việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn anh chị cùng nhau chung sống và cùng làm việc tại H. Cuộc sống vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc. Đến tháng 8 năm 2022 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã và đến tháng 9 năm 2023 vợ chồng ly thân, từ đó đến nay không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Đức T.

Về con chung: Chị Hoàng Thị H xác định chị và anh Nguyễn Đức T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia P, sinh ngày 29/7/2020. Ly hôn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu P và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Hoàng Thị H không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai: Bị đơn là anh Nguyễn Đức T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian, địa điểm, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị Hoàng Thị H đã trình bày là đúng.

Về con chung: Anh Nguyễn Đức T xác định anh và chị Hoàng Thị H có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia P, sinh ngày 29/7/2020. Từ thời điểm tháng 9 năm 2023 anh đã đưa cháu P về chung sống cùng anh và bố mẹ đẻ của anh là ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1956 ở tại khu 2, xã B, huyện T, tỉnh P. Kể từ thời điểm đó, chị H không quan tâm và sống không có trách nhiệm với cháu P. Cháu P được mình anh chu cấp sinh hoạt đầy đủ, có sức khỏe tốt và đang theo học tại trường Mầm non B, xã B, huyện T, tỉnh P.

Ngoài ra, chị H còn đang nuôi một con chung với chồng trước của chị là cháu Đỗ Hoàng Gia M, sinh năm 2010 đang học trường Trung học cơ sở cấp 2 V, phường V, quận H, thành phố H cũng đang chung sống cùng với chị H, yêu cầu của chị H được nuôi thêm cháu P là quá sức với điều kiện, hoàn cảnh của chị H.

Về tài sản chung, công nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Anh Nguyễn Đức T không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải, chị Hoàng Thị H bổ sung: Chị thừa nhận có 01 con riêng với chồng trước là cháu Đỗ Hoàng Gia M, sinh năm 2010 đang học trường Trung học cơ sở cấp 2 V, phường V, quận H, thành phố H cũng đang chung sống cùng chị. Anh T cho rằng chị không quan tâm và sống không có trách nhiệm với cháu P là không đúng. Chị vẫn sắp xếp thời gian và công việc lên thăm, gặp cháu, tuy nhiên bị gia đình nhà anh T ngăn cản việc thăm gặp con. Chị chỉ được thăm gặp cháu P khi anh T có mặt ở nhà, còn anh T không ở nhà thì bố mẹ đẻ anh T là ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị K không cho chị thăm gặp con. Nếu chị được quyền nuôi cháu Nguyễn Hoàng Gia P thì chị không yêu cầu anh Nguyễn Đức T cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra chị còn đảm bảo cho anh T thăm gặp con hàng tuần, hàng tháng hay bất kỳ lúc nào nhưng phải đảm bảo về thời gian học tập và sức khỏe cho cháu P. Ngược lại nếu anh T được quyền nuôi con thì cũng phải đảm bảo cho chị trong việc thăm gặp con của chị như vậy.

Anh Nguyễn Đức T: Anh khẳng định, anh và gia đình anh vẫn cho chị H thăm gặp cháu Nguyễn Hoàng Gia P và không có việc ngăn cản. Anh sẽ góp ý với bố mẹ anh không cản trở việc thăm, gặp con của chị H. Anh nhất trí với đề nghị bổ sung của chị H và giữ nguyên quan điểm đề nghị về việc giao cháu P cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Anh không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị K (là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Đức T), ông T và bà K trình bày:

Anh Nguyễn Đức T và chị Hoàng Thị H kết hôn với nhau ngày 20/6/2020 trên cơ sở tự nguyện, không bị ai ép buộc và việc kết hôn là đúng pháp luật, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận H, thành phố H. Sau khi kết hôn anh

chị cùng nhau chung sống và sau đó vợ chồng anh T, chị H có xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 9 năm 2023, anh T đưa cháu Nguyễn Hoàng Gia P (cháu P là con chung giữa anh T và chị H) về chung sống cùng vợ chồng ông bà. Hiện nay cháu P có sức khỏe tốt, được anh T chăm sóc rất tốt và cho đi học tại trường mẫu giáo B, xã B, huyện T, tỉnh P. Ông bà hỗ trợ anh T trông nom, chăm sóc, giáo dục cho cháu P và không hề ngăn cấm mẹ cháu là chị H đến thăm nom cháu. Ông bà đã chia đất sẵn cho các con mỗi người một mảnh đất, anh T được chia 10m đất mặt đường, chiều sâu 22m và đã có nhà, công trình phụ trên đất. Ông bà còn hỗ trợ cho anh T nuôi cháu P mỗi tháng 2.000.000đ (Hai triệu đồng) phụ giúp anh T. Ông bà cam kết sẽ tạo điều kiện tốt nhất cho cháu P, giúp cháu P có đủ điều kiện tốt nhất để khôn lớn nếu anh T được Tòa án giao quyền trực tiếp nuôi con.

Qua xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã và Ủy ban nhân dân xã B:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Đức T kết hôn với nhau ngày 20/6/2020. Việc kết hôn giữa anh chị là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường V, quận H, thành phố H. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống với nhau và cùng làm việc tại H. Sau đó đến cuối năm 2023, anh T đưa cháu Nguyễn Hoàng Gia P (con chung giữa anh T và chị H) về địa phương sinh sống và ở cùng nhà với bố mẹ đẻ của anh T là ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị K ở tại khu 2, xã B, huyện T, tỉnh P. Anh T và chị H hiện nay không còn thực tế chung sống, mỗi người một nơi không ai quan tâm chăm sóc nhau, anh T hiện nay đang sinh sống cùng với bố mẹ đẻ anh là ông T và bà K ở tại khu 2, xã B, huyện T, tỉnh P còn chị H hiện nay đang sống và làm việc tại H.

Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia P, sinh ngày 29/7/2020. Cháu P đang sinh sống cùng anh T tại nhà ông Nguyễn Xuân T và bà Nguyễn Thị K ở tại khu 2, xã B, huyện T, tỉnh P. Anh T còn có nhà riêng ngay bên cạnh nhà bố mẹ đẻ của anh là ông T, bà K cho anh. Cháu P hiện có sức khỏe tốt, được anh T và bố mẹ đẻ anh T là ông T và bà K chăm sóc rất tốt và hiện nay đang theo học tại Trường Mẫu giáo, xã B, huyện T, tỉnh P. Chị H, anh T tranh chấp với nhau quyền nuôi cháu P là do cả hai bên đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện T căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự theo quy định của pháp luật.

Phát biểu của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh P:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa và nguyên đơn, bị đơn dân sự đã chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H về quan hệ hôn nhân, xử cho chị H được ly hôn anh T.

Về con chung: Căn cứ Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Hoàng Gia P, sinh năm 2020 đến khi cháu thành niên. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh T tự nguyện không yêu cầu.

Tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị H, anh T.

Về án phí ly hôn: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án. Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Xét thấy anh Nguyễn Đức T cư trú xã B, huyện T, tỉnh P. Nay chị Hoàng Thị H xin ly hôn anh Nguyễn Đức T và đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ giải quyết. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Đức T kết hôn với nhau ngày 20/6/2020 tại Ủy ban nhân dân phường V, quận H, thành phố H. Đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị H, anh T đã xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, không cùng nhau đoàn kết xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng đã sống ly thân và không còn thực tế chung sống. Nay chị H, anh T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đều đề nghị được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, chị H và anh T không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn rất trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H về việc xin ly hôn anh Nguyễn Đức T là có căn cứ. Vì vậy, xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

[3] Về con chung: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Đức T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia P, sinh ngày 29/7/2020. Ly hôn, chị H đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu P, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T cũng đề nghị với Tòa án được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu P, không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đề nghị của chị H, anh T là phù hợp, bởi lẽ anh chị đều có điều kiện và khả năng nuôi dạy con cái. Cả hai anh chị đều xuất trình được chứng cứ để Tòa án xem xét việc giao con chung cho ai để đảm bảo quyền lợi của con phát triển về trí tuệ và thể chất tốt nhất. Anh Nguyễn Đức T hiện làm nhân viên kế hoạch vật tư – Phòng kinh doanh tại Công ty cổ phần may xuất khẩu Minh Khang tại huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên với mức thu nhập từ 13.000.000đ đến 15.000.000đ/tháng(có Hợp đồng lao động và giấy xác nhận thu nhập, ...). Chị H hiện là nhân viên bán hàng cho Công ty TNHH XNK và PP Đông Phương Việt Nam với mức thu nhập khoảng hơn 10.000.000đ(có Hợp đồng lao động và sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng, ...).

Tuy nhiên, hiện chị H có 01 con riêng là cháu Đỗ Hoàng Gia M, sinh năm 2010 đang chung sống cùng chị H, chị H có công việc làm theo ca, việc bố trí thời gian đưa đón, chăm sóc, dạy dỗ cùng lúc 02 người con sẽ không được đảm bảo. Trong khi đó, cháu P đang chung sống cùng anh T, có nơi cư trú và cuộc sống tốt; cháu được anh T, ông T, bà K nuôi dạy, chăm sóc chu đáo, tận tâm và cho đi học tại trường Mầm non B, xã B, huyện T, tỉnh P. Bà Nguyễn Thị K là mẹ đẻ anh T còn xuất trình cho Tòa án bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị K cho Tòa án, để đảm bảo cho việc Tòa án giao con chung cho anh T nuôi thì cuộc sống sẽ đảm bảo tốt nhất cho cháu P. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị giao cháu P cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo

dục là phù hợp. Vì vậy, giao cháu Nguyễn Hoàng Gia P cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu P thành niên nhằm đảm bảo cho cháu P cuộc sống ổn định tránh thay đổi không có lợi và đồng thời chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định của pháp luật mà không ai được cản trở là phù hợp.

Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T vì anh T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị Hoàng Thị H, anh Nguyễn Đức T không yêu cầu. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 4 Điều 147, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H về việc xin ly hôn anh Nguyễn Đức T. Xử cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Nguyễn Đức T.

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia P, sinh ngày 29/7/2020 cho anh Nguyễn Đức T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ tháng 4 năm 2024 đến khi thành niên. Chị Hoàng Thị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh T không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị Hoàng Thị H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa số 0003743 ngày 12/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. (Xác nhận chị H đã nộp đủ 300.000đ án phí ly hôn).

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Thủy;
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- UBND phường V; quận H, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương Thủy

